

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **61/2022/HS-ST**
Ngày: 12/4/2022.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Xuân Tuất

2. Ông Đinh Xuân Dậu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:* Ông Vòng A Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

Phạm Ngọc P, sinh năm 1990. Tại Đồng Nai. Nơi cư trú: tổ 7, ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 07/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Mộng T, sinh năm 1967 và bà Hồ Thị S, sinh năm 1961. Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ 3. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú ngày 22/12/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Trảng Bom.

Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã H huyện V, tỉnh Đ. (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị Thu N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đ. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 22/10/2019, anh Nguyễn Văn T và Phạm Ngọc P (là bạn quen biết ngoài xã hội) cùng uống rượu bia tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom. Sau khi uống rượu bia xong, anh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario biển số 60B9-526.63 chở P về phòng trọ của anh T thuê tại tổ 1, ấp 1, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để ngủ. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 23/10/2019, P nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô của anh T để bán lấy tiền tiêu xài, P lén lút lấy chìa khóa xe và dẫn mô tô biển số 60B9526.63 của anh T ra khỏi phòng trọ rồi điều khiển xe mô tô đến thuê phòng nghỉ tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để ngủ. Đến sáng cùng ngày, P mở cốp xe mô tô của anh T thấy có 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng), 01 (Một) giấy phép lái xe, 01 (Một) chứng minh nhân dân và 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B9-526.63 của anh T. P lấy số tiền 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) bỏ vào túi, rồi điều khiển xe mô tô trộm cắp của anh T đến tiệm cầm đồ “Bảo Tín” tại ấp A, xã B, huyện Trảng Bom gặp chị Trần Thị Thu N (là chủ tiệm cầm đồ) để cầm chiếc xe mô tô biển số 60B9-526.63 với giá 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng). Sau khi phát hiện xe mô tô biển số 60B9-526.63 bị mất, anh T điện thoại cho P thì P nói đã lấy xe đi, hẹn chiều sẽ đem xe về trả cho anh T, nhưng sau đó anh T không liên lạc được với P nên đã đến Công an xã Sông Trầu trình báo. Công an xã Sông Trầu đã lập hồ sơ và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 18/11/2019, P nhắn tin qua mạng xã hội Zalo báo cho anh T biết P đã cầm xe mô tô của anh T tại tiệm cầm đồ “Bảo Tín” và gửi hình ảnh giấy biên nhận cầm đồ cho anh T để anh T đến chuộc lại xe, còn P bỏ trốn đến ngày 22/12/2021 P đến Công an xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario biển số 60B9-526.63 đã qua sử dụng có trị giá là 31.500.000 đồng (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Vật chứng thu giữ:

- 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario biển số 60B9-526.63 và 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên anh Vũ Trung K. Qua xác minh, xe mô tô biển số 60B9-526.63 do anh K đứng tên chủ sở hữu nhưng đã bán lại cho anh Nguyễn Văn T, chưa làm thủ tục sang tên cho anh T. Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an huyện Trảng Bom đã thu hồi và trả lại chiếc xe mô tô biển số 60B9-526.63 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên anh Vũ Trung K cho anh Nguyễn Văn T.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường đối với số tiền bị mất. Chị Trần Thị Thu N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Tại cáo trạng số: 56/CT/VKS-HS ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố Phạm Ngọc P phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo với mức án từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thị Thu N số tiền 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong phần bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, tội danh và áp dụng điều luật:

Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 23/10/2019, tại ấp 1, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Phạm Ngọc P đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario biển số 60B9-526.63, trị giá 31.500.000 đ (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) và số tiền 3.800.000 đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) của anh Nguyễn Văn T. Tổng số tiền P đã trộm cắp của anh T là 35.300.000đ (Ba mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự, gây bất bình cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Bị cáo là thanh niên đã trưởng thành, có đủ nhận thức và biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về bồi thường dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho chị Trần Thị Thu N 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng). Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho chị N 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario biển số 60B9-526.63 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên anh Vũ Trung K. Qua xác minh, xe mô tô biển số 60B9-526.63 do anh Kiên đứng tên chủ sở hữu nhưng đã bán lại cho anh Nguyễn Văn T, chưa làm thủ tục sang tên cho anh Thụ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã thu hồi và trả lại chiếc xe mô tô biển số 60B9-526.63 và 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên anh Vũ Trung K cho anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

[7] Về những vấn đề khác liên quan:

Đối với chị Trần Thị Thu N (chủ tiệm cầm đồ Bảo Tín) là người đã cầm cố chiếc xe mô tô biển số 60B9-526.63 cho bị cáo Phạm Ngọc P, do không biết đây là xe mô tô do P trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom không xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Phạm Ngọc P 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2021.

2. Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự .

Buộc bị cáo Phạm Ngọc P phải bồi thường cho chị Trần Thị Thu N 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong đối với khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Trảng Bom;
- Công an H. Trảng Bom;
- THADS H. Trảng Bom;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

TÒA CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận

- TAND tỉnh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP.Biên Hòa
- THA Biên Hòa
- Bị cáo
- Lưu

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
TÒA CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND TP.Biên Hòa
- THA Biên Hòa
- Bị cáo
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Bình